日本国政府
GOVERNMENT OF JAPAN

在留カード
RESIDENCE CARD

番号 No. NP10171275EA

氏名 NGUYEN TIEN DUNG
NAME

生年月日 1991年04月17日 性別 男 M. 国籍・地域 ベトナム
DATE OF BIRTH Y M D SEX NATIONALITY/REGION

住居地 東京都北区浮間３丁目３３番１４号
ADDRESS

在留資格 特定技能１号
STATUS Specified Skilled Worker (i)

就労制限の有無 在留資格に基づく就労活動のみ可

在留期間（満了日） 1年（２０２４年０２月０２日）
PERIOD OF STAY (DATE OF EXPIRATION) Y Y M D

許可の種類 在留資格変更許可（東京出入国在留管理局長）

許可年月日 2023年02月02日 交付年月日 2023年02月02日

このカードは ２０２４年０２月０２日まで有効 です。
PERIOD OF VALIDITY OF THIS CARD

MINISTRY OF JUSTICE

住居地記載欄

届出年月日	住居地	記載者印

資格外活動許可欄

在留期間更新等許可申請欄

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
TL. CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Nguyễn Ngọc Minh
Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P
Mã số / *Code*: VNM
Số hộ chiếu / *Passport N°*: C7051571
Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN TIẾN DŨNG
Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*
Ngày sinh / *Date of birth*: 17 / 04 / 1991
Nơi sinh / *Place of birth*: ĐỒNG NAI
Giới tính / *Sex*: NAM / M
Số GCMND / *ID card N°*: 272232986
Ngày cấp / *Date of issue*: 04 / 04 / 2019
Có giá trị đến / *Date of expiry*: 04 / 04 / 2029
Nơi cấp / *Place of issue*: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<TIEN<DUNG<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C7051571<0VNM9104174M2904043272232986<<<<<56

2. FEB. 2023
IMMIGRATION INSPECTION

別記第三十一号の四様式(第七条,第二十条,第四十四条関係)

日本国政府法務省

指　定　書
DESIGNATION

氏　名 Name	NGUYEN TIEN DUNG
国籍・地域 Nationality/Region	ベトナム

出入国管理及び難民認定法別表第1の2の表の特定技能の項の下欄第1号の規定に基づき,同号に定める活動を行うことのできる本邦の公私の機関及び特定産業分野を次のとおり指定します。

・本邦の公私の機関

氏名又は名称: 有限会社山田組

所在地: 東京都北区浮間3-33-14

・特定産業分野:建設

IMMIGRATION INSPECTION
2. FEB. 2023
TOKYO, JAPAN

(参考)
従事する業務区分は, 土木(指導者の指示・監督を受けながら、土木施設の新設、改築、維持、修繕に係る作業等に従事)及び建築(指導者の指示・監督を受けながら、建築物の新築、増築、改築若しくは移転又は修繕若しくは模様替に係る作業等に従事)とする。

日　本　国　法　務　大　臣
MINISTER OF JUSTICE,JAPANESE GOVERNMENT